TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2020.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Cứ

2. Ông Nguyễn Văn Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 615/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị NY, sinh năm 1997; Địa chỉ: tổ 7, ấp D, xã E, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Trung H, sinh năm 1994; Địa chỉ: số 166, tổ 3, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn* Chị Bùi Thị NY *trình bày trong hồ sơ:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phạm Trung H chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2017, tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2019 phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn do đời sống giữa vợ chồng không hòa hợp. Anh H thường xuyên chơi cờ bạc và ăn nhậu, mỗi khi nhậu say vợ chồng cãi vả lẫn nhau, anh H ít quan tâm đến con. Tháng 02/2020 chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu

ly hôn đối với anh H tại Tòa án, nhưng anh H năn nỉ nên chị rút đơn khởi kiện về sống chung lại từ tháng 4/2020, đến tháng 09/2020 thì tiếp tục mâu thuẫn cãi nhau, anh H đuổi chị đi khỏi nhà. Chị dắt con chung về nhà mẹ ruột ở ấp D, xã E, huyện Tân Biên sống, còn anh H ở với gia đình chồng. Từ khi ly thân đến nay hai bên không gặp nhau, anh H không đến thăm mẹ con, cũng không năn nỉ chị về, không điện thoại liên lạc với chị, mẹ chồng có đến thăm cháu được hai lần. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể về chung sống lại với nhau được nữa. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm An N sinh ngày 08/3/2019. Từ khi ly thân cho đến nay con chung ở với chị, chị yêu cầu được tiếp tục con chung, do chị về nhà mẹ ruột phụ làm spa, làm việc tại nhà nên có thời gian trông con, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn – anh H đã được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên không có lời trình bày trong hồ sơ:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trình bày:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cở sở, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị NY, xử cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung giao cho Chị NY tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, Chị NY không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị NY có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Chị NY, anh H

[2] Về Nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Chị NY, anh H sống chung và có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2017, tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh chị ly thân từ tháng 02/2020 sau đó về sống chung lại nhưng không hạnh phúc, anh chi tiếp tục ly thân cho đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không khắc phục cải thiện mâu thuẫn, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn và ly thân nhhau kéo dài đến nay. Tòa án đã tiến hành mời anh chị đến hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án và anh chị cũng không về sống chung với nhau.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị NY, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của Chị NY, xử cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Phạm An N, sinh ngày 08/3/2019. Từ khi anh chị ly thân, con chung trực tiếp sống chung với Chị NY, tâm tư tình cảm cháu gắn liền với chị. Cháu N hiện còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị NY, giao Cháu N cho Chị NY trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NY không yêu cầu nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị NY, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị NY khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh H. Qúa trình tham gia tố tụng anh không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ nào khác chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên anh phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Chị NY phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Bùi Thị NY

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị NY được ly hôn với Anh Phạm Trung H.

2.Về con chung: Giao cháu Phạm An N, sinh ngày 08/3/2019. cho Chị NY trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con vì Chị NY không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3.Tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị NY phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007568 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị NY đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lê Thị Thu